

Bản án số: 59/2023/DS-PT
Ngày: 13 - 03 - 2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Bà Ngô Ngọc Phi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLPT-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2022/QĐ-PT, ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp BT, xã Bình Phước X, huyện CM, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L: Bà Trần Thị Tuyết L1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện CM, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị L: Luật sư Nguyễn Thành T – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên TT, thuộc Đoàn luật sư An Giang, (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Lê Thanh H (Út Thòn), sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện CM, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Thanh H: Luật sư Bùi Quốc N – Chi nhánh Công ty luật TNHH một thành viên A-T, thuộc Đoàn luật sư thành phố CT, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1950; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện CM, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1954; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện CM, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

3.3. Ông Lê Thành S, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện CM, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (có mặt).

3.5. Bà Trần Thị Bích N2, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (có mặt).

3.6. Cháu Huỳnh Trí B, sinh ngày 10/9/2021; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Huỳnh Trí B là bà Trần Thị Bích N2 sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (có mặt).

3.7. Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp BT, xã Bình Phước X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Ngọc Đ: Luật sư Bùi Quốc N – Chi nhánh Công ty luật TNHH một thành viên A-T, thuộc Đoàn luật sư thành phố CT, (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo yêu cầu được nhận di sản và đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Trần Thị Tuyết L1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do bà Trần Thị D2 là mẹ bà Lê Thị L (đã chết ngày 01/02/2018), không để lại di chúc nên bà L yêu cầu được chia di sản là căn nhà cấp 4, (ngang 04m, dài 12m) xây dựng trên diện tích đất ngang 4m, dài 14m vào năm 2001, giá trị khoảng 500.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận hiện vật để thờ cúng và đồng ý hoàn lại giá trị tương đương cho những anh em trong gia đình được hưởng thừa kế. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền trên đất hiện do ông Lê Thanh H giữ, còn căn nhà thì khi bà D2 còn sống có hứa cho Trần Thị Mỹ D (cháu ngoại bà D2) ở và thờ cúng ông bà. Hiện nay, bà L và bà D đang quản lý và sử dụng căn nhà trên.

Bị đơn ông Lê Thanh H trình bày: Vào ngày 11/7/2001, bà Trần Thị D2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 49,5m² của ông Bùi Văn Hương, bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn D3 (con ông H3), đất tại chợ BT, theo tờ bản đồ số 30, thửa đất số 80 và được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644 vào ngày 27/7/2001. Năm 2001, ông đứng ra thuê ông Lê Văn T3 xây dựng căn nhà cấp 4 cho bà D2 ở trên phần đất của bà D2 mua. Ông là người trả toàn bộ chi phí xây dựng căn nhà. Năm 2016, bà Lê Thị L có hỏi ông cho con là Trần Thị Mỹ D ở tạm và buôn bán. Sau khi bà D2 chết, ông H yêu cầu bà L trả lại căn nhà, nhưng bà L không thực hiện vì cho rằng, bà có một phần di sản và chi phí xây nhà là của bà D2 và đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên ông có đơn yêu cầu phản tố. Ông đồng ý chia di sản là diện tích 49,5m² và yêu cầu được nhận hiện vật, ông sẽ hoàn giá trị tài sản cho anh, chị được hưởng thừa kế. Còn đối với căn nhà ông H không đồng ý chia vì ông là người đứng ra trả tiền xây dựng. Ông yêu cầu bà Lê Thị L tháo dỡ mái che diện tích 7,8 m² theo sơ đồ hiện trạng ngày 03/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CM, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ đạc trong nhà trả lại căn nhà cho ông. Đồng thời yêu cầu Trần Thị Mỹ D, Trần Thị Bích N2, cháu Huỳnh Trí B tháo dỡ, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ vật ra khỏi nhà để trả lại căn nhà cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị M, Lê Thị L3 trình bày: Thống nhất gia đình có 05 anh, em gồm Lê Thị M, Lê Thị L3, Lê Thành S, Lê Thị L, Lê Thanh H. Khi còn sống bà Trần Thị D2 (mẹ của các bà) có mua diện tích đất 49,5m² (hiện đang tranh chấp), còn căn nhà là do ông Lê Thanh H bỏ tiền ra xây dựng. Do bà D2 chết không để lại di chúc nên phát sinh tranh chấp đối với diện tích đất nêu trên. Nay các bà không nhận phần di sản trên và đồng ý cho ông Lê Thanh H và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Lê Thành S trình bày: Thống nhất gia đình có 5 anh chị em gồm Lê Thị M, Lê Thị L3, Lê Thành S, Lê Thị L, Lê Thanh H, diện tích đất của mẹ tên Trần Thị D2 mua, còn căn nhà do em ông là Lê Thanh H xây dựng. Việc chia di sản thừa kế diện tích đất 49.5m², phần ông được hưởng ông đồng ý giao lại cho ông H. Nếu bà Lê Thị L nhận hiện vật và chia giá trị cho các đồng thừa kế thì ông yêu cầu được nhận một kỷ phần.

- Bà Trần Thị Mỹ D (cháu ngoại của bà Trần Thị D2), trình bày: bà sống cùng bà D2 từ năm 2002 – 2009, sau đó bà D đi học xa, đến năm 2014 sức khỏe bà D2 đã già yếu nên bà về ở cùng bà D2 để chăm sóc và có mở buôn bán tập hóa. Năm 2018, bà D2 chết, ông Lê Thanh H có yêu cầu bà D không được ở trong căn nhà này nữa nên bà Lê Thị L có làm đơn khởi kiện ông H về tranh chấp thừa kế. Bà sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án.

- Bà Trần Thị Bích N2 (cháu ngoại của bà Trần Thị D2) trình bày: bà sống trong căn nhà này từ đầu năm 2022 để buôn bán văn phòng phẩm nuôi con nhỏ. Bà sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án.

- Bà Huỳnh Ngọc Đ trình bày: Bà L vợ của ông Lê Thanh H. Trước đây vợ chồng bà có xây cất nhà cho mẹ chồng ở. Bà xác định căn nhà trên là tài sản của vợ chồng bà, nguồn tiền là do vợ chồng làm ruộng tích góp được. Nay bà cũng thống nhất với chồng yêu cầu bà Lê Thị L tháo dỡ mái che diện tích 7,8 m² theo sơ đồ hiện trạng ngày 03/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CM, đồng thời di dời vật, công trình kiến trúc, đồ đạc trong nhà trả lại cho vợ chồng bà căn nhà. Đồng thời yêu cầu Trần Thị Mỹ D, Trần Thị Bích N2, cháu Huỳnh Trí B tháo dỡ, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ vật ra khỏi nhà để trả lại căn nhà.

Người làm chứng: Ông Lê Văn T3 trình bày, vào năm 2001, ông có nhận xây nhà cho ông H, khi xây dựng có nghe nói diện tích đất là của mẹ ông H. Ông T3 nhận xây nhà với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, khi nhận tiền có biên nhận, do ông H trực tiếp giao tiền cho Ông T3, còn nguồn tiền thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang, Quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc chia diện tích đất 49,5 m². Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L trong việc chia căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Ngọc Đ.

- Xác định diện tích đất 49,5m² đã được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644 ngày 27/7/2001 cho bà Trần Thị D2 là di sản thừa kế do bà Trần Thị D2 để lại.

Xác định hàng thừa kế của bà Trần Thị D2 gồm: bà Lê Thị M, Lê Thị L3, Lê Thị L, Lê Thành S, Lê Thanh H.

Các ông bà được hưởng mỗi người 1/5 kỳ phần bằng nhau của quyền sử dụng đất.

- Ông Lê Thanh H được quản lý sử dụng diện tích đất 49,5m², thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 80 đã được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644 ngày 27/7/2001 cho bà Trần Thị D2.

- Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị M, Lê Thị L3, Lê Thành S về việc giao kỳ phần được hưởng cho ông Lê Thanh H. Ông H được hưởng các kỳ phần của bà Lê Thị M, Lê Thị L3, Lê Thành S.

- Ông Lê Thanh H có trách nhiệm hoàn giá trị $\frac{1}{5}$ kỳ phần thừa kế cho bà Lê Thị L số tiền 49.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bà Lê Thị L, bà Trần Thị Mỹ D, bà Trần Thị Bích N2, cháu Huỳnh Trí B (do bà Trần Thị Bích N2 là người đại diện theo pháp luật) tháo dỡ di dời mái che, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ vật trả lại căn nhà cho ông Lê Thanh H, bà Huỳnh Ngọc Đ.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định (sơ đồ hiện trạng ngày 03/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện CM là bộ phận không thể tách rời bản án).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị L nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Trần Thị Tuyết L1 đại diện ủy quyền của bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L chia di sản thừa kế, bà L yêu cầu được nhận hiện vật căn nhà và quyền sử dụng đất để thờ cúng, bà L đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế.

Luật sư Nguyễn Thành T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L chia di sản thừa kế, bà L được nhận hiện vật để thờ cúng, đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế.

- Ông Lê Thanh H, bà Huỳnh Ngọc Đ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Bùi Quốc N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Thanh H, bà Huỳnh Ngọc Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện CM. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông H đồng ý giữ lại và trả giá trị cho bà L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CM. ông Lê Thanh H có trách nhiệm hoàn giá trị 1/5 kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị L số tiền 68.060.242 đồng và số tiền mái che 1.248.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị L nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Lê Thị L là người cao tuổi và có đơn nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị M, bà Lê Thị L3 và ông Lê Thành S. Tuy nhiên, bà M, bà L3 và ông S có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, HĐXX phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm, giao hiện vật căn nhà và quyền sử dụng đất cho bà L quản lý, sử dụng để thờ cúng, bà L đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế.

[2.2]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Xét, yêu cầu kháng cáo của bà L đối với di sản thừa kế của cụ Trần Thị D2.

Các đương sự thống nhất cụ Trần Thị D2 chết ngày 01/02/2018, không để lại di chúc, cụ D2 có chồng là cụ Lê Văn K (chết năm 1986) và có chung 05 người con gồm các ông, bà: Lê Thị M, Lê Thị L3, Lê Thành S, Lê Thị L và Lê Thanh H là hàng thừa kế thứ nhất của cụ D2.

Các thừa kế đều xác nhận cụ D2 chết có để lại di sản là căn nhà cấp 4, xây dựng trên diện tích 49,50 m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB, ngày 27/7/2001, do UBND huyện CM cấp cho bà Trần Thị D2 đứng tên.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất vào ngày 11/7/2001, cụ Trần Thị D2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 49,5m² của người khác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tờ bản đồ số 30, thửa đất số 80, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho cụ Trần Thị D2 đứng tên. Cũng trong năm 2001 thì cụ D2 tiến hành xây dựng căn nhà cấp 4, nền lót gạch, vách tường, bê tông cốt thép, có 01 lầu bằng cây, sàn lót ván, vách tường, mái lợp tôn, sau khi xây cất căn nhà xong thì cụ D2 là người trực tiếp sở hữu và sống trong căn nhà này với chị Trần Thị Mỹ D là con gái của bà L. Đến năm 2014 cụ D2 đồng ý cho bà L cất mở rộng căn nhà ra thêm phía trước mặt tiền của căn nhà có diện tích 7,8 m², có kết cấu khung sắt, mái lợp tol, nền cuốn gạch nâng cao hơn mặt đường lộ 0,4m, lót gạch men và có gắn bộ cửa sắt kéo dài loan loan hai cánh, chiều cao 2,6m, chiều ngang 6m. Việc này đều được ông H và bà Diệp thống nhất xác nhận là đúng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang vào ngày 17/01/2023.

[3]. Việc ông H, thừa nhận diện tích 49,5m² đất là di sản của cụ D2, còn đối với căn nhà ông không đồng ý, vì ông cho rằng ông là người chi trả chi phí xây dựng căn nhà được bà M, bà L3 và ông S xác nhận.

Xét thấy, ông H là con út, cũng là người sống chung gia đình với cụ D2 từ nhỏ trong căn nhà ngôi xưa gắn liền với nền đất tọa lạc cùng tại ấp BT, xã Bình Phước X, căn nhà, đất do cụ D2 và cụ Kê tạo dựng nên, cũng là nơi thờ cúng ông bà, đến năm 2001 cụ D2 để lại căn nhà, đất này cho ông H ở và thờ cúng ông bà. Cụ D2 mua nền đất khác và cất nhà ở riêng, trong lúc cụ D2 cất nhà, ông H là con trong gia đình nên cụ D2 nhờ ông H kêu dùm thợ cất nhà và đưa tiền cho ông H trả tiền công thợ là việc đương nhiên xảy ra trong đời sống xã hội. Sau khi cất nhà xong thì cụ D2 là người trực tiếp sở hữu và ở trong căn nhà này cùng với cháu ngoại là chị Duyên (con gái của bà L). Đồng thời, cũng vào năm 2014 thì cụ D2 đồng ý để cho bà L xây cất mở rộng ra thêm căn nhà để kinh doanh mua bán là nguồn thu nhập chính để nuôi gia đình, việc bà L xây cất mở rộng ra thêm căn nhà để kinh doanh mua bán ông H cũng biết nhưng ông H không có tranh chấp hay bất cứ phản ứng nào. Xét quá trình cụ D2 sở hữu căn nhà từ năm 2001 cho đến khi cụ D2 chết vào năm 2018 đã hơn 17 năm, còn ông H thì không có trực tiếp ở trong căn nhà này ngày nào.

Tại phiên tòa các đương sự cũng thừa nhận thời điểm 2001 cụ D2 là người có điều kiện kinh tế và có rất nhiều tài sản và đất đai nên cụ D2 mới làm tờ phân chia tài sản là đất cho các con, ai cũng được hưởng một phần diện tích đất của cụ D2. Đối với việc ông H thừa nhận đất do cụ D2 mua còn nhà thì ông H bỏ tiền ra cất nhà cho cụ D2 ở, ông H chỉ dựa vào lời khai một phía của anh chị ông với ký hợp đồng viết tay của Ông T3 với ông H mà không có công chứng hay

chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nên coi đây là tài liệu tham khảo, chưa đủ cơ sở vững chắc, đồng thời Ông T3 cũng không xác định được nguồn tiền là của ông H. Bởi vì, theo nguyên tắc các bên ký hợp đồng xây dựng công trình hay vật kiến trúc trên đất thì phải là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có bản vẽ kèm theo và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng mới được coi là hợp pháp, song ông H cũng thừa nhận là đất của cụ D2 còn nhà thì ông bỏ tiền ra xây cất nhưng ông H không cung cấp được bất cứ giấy tờ hay tài liệu gì có chữ ký tên xác nhận của cụ D2 cho Tòa án xem xét.

Xét thấy, cụ Trần Thị D2 (chết ngày 01/02/2018) không để lại di chúc, di sản của cụ D2 là căn nhà cấp 4, xây dựng trên diện tích 49,50 m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB, ngày 27/7/2001, do UBND huyện CM cấp cho cụ Trần Thị D2 đứng tên, (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB, ngày 27/7/2001 bản chính hiện do ông Lê Thanh H đang giữ).

Theo chứng thư thẩm định giá số 0033/2023/CT.VVAC, ngày 31/01/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trị Việt thì đất diện tích 49,50 m² x 6.874.772đ/ m² = 340.301.212 đồng; Công trình xây dựng là nhà cấp 4, diện tích 83,60m² x 3.057.000đ x 30% = 76.669.560 đồng, tổng cộng làm tròn 416.971.000 đồng. Như vậy, di sản nhà và đất của cụ D2 để lại có tổng giá trị 416.971.000 đồng, được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ D2 theo pháp luật. Tuy nhiên, có xem xét chỗ ở, điều kiện, quá trình gìn giữ, bảo quản và tôn tạo tài sản của các thừa kế.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa và biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì được thể hiện cụ thể: Ông Lê Thanh H hiện đang sở hữu, sử dụng căn nhà ngói xưa do cụ D2 để lại, đồng thời ông H cũng đã có cất thêm 01 căn nhà cấp 3 bê tông cốt thép có lầu, rất rộng, gần UBND xã Bình Phước X, cách trường THCS Nguyễn Thanh Sơn 02 căn nhà, ngoài ra ông H còn cung cấp rất nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H đứng tên, có diện tích hơn 38 nghìn mét vuông đất. Như vậy, xét thấy về chỗ ở hiện tại thì ông H đã có chỗ ở ổn định.

Còn bà L thì hiện tại đang khó khăn không có đất để ở, đang ở nhờ đất của người khác, đồng thời sau khi cụ D2 cất nhà xong thì chị Duyên (con gái của bà L) trực tiếp sống chung và chăm sóc cụ D2, song cũng vào năm 2014 thì cụ D2 đồng ý cho bà L xây cất mở rộng ra thêm căn nhà để kinh doanh mua bán là nguồn thu nhập chính để nuôi gia đình. Do đó, HĐXX xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng ổn định cho bà L tiếp tục sở hữu, sử dụng căn nhà để mua bán nuôi sống gia đình, bà L được chia di sản là hiện vật căn nhà gắn liền với diện tích 49,50 m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB ngày 27/7/2001, do UBND huyện CM cấp cho cụ Trần Thị D2 đứng tên.

Bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại phần giá trị mà các đồng thừa kế được hưởng. Đối với các bà Lê Thị M, Lê Thị L3 tự nguyện giao kỷ phần được hưởng cho ông H, xét sự tự nguyện của các đương sự giao kỷ phần được hưởng cho ông H là không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nghĩ nên công nhận,

riêng đối với ông Lê Thành S trong quá trình giải quyết vụ án thì ông S có ý kiến trình bày, nếu bà L nhận hiện vật trả giá trị cho các đồng thừa kế thì ông yêu cầu được nhận kỷ phần được hưởng của ông.

Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét kháng cáo của bà Lê Thị L có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Di sản của cụ Trần Thị D2 gồm có: Căn nhà cấp 4, xây dựng trên diện tích 49,50 m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB, ngày 27/7/2001, do UBND huyện CM cấp cho cụ Trần Thị D2 đứng tên, (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB, ngày 27/7/2001 bản chính hiện do ông Lê Thanh H giữ). Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá trị Việt số 0033/2023/CT.VVAC ngày 31/01/2023 thì Quyền sử dụng đất và căn nhà có giá trị: 340.301.212đ + 76.669.560đ = Làm tròn 416.971.000 đồng, được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ D2 theo pháp luật.

Bà L được tiếp tục quản lý, sở hữu và sử dụng di sản là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 49,50 m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644/iB ngày 27/7/2001, do UBND huyện CM cấp cho cụ Trần Thị D2 đứng tên. Bà L có nghĩa vụ hoàn giá trị mỗi kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế còn lại là bà Lê Thị M, bà Lê Thị L3, ông Lê Thành S và ông Lê Thanh H trị giá 83.394.000 đồng/1 kỷ phần.

Ông Lê Thanh H phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Lê Thị L một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 49,50 m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2 (Bản chính).

Đối với, yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Ngọc Đ đối với căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 49,5m² không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng 9.846.300 đồng, bà Lê Thị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, bà L đã nộp đủ.

Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm bà L không phải chịu án phí phúc thẩm, do kháng cáo của bà L được chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bà L là người cao tuổi và có đơn nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Phúc xử:

- Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 612, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc chia di sản thừa kế căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 49,5m² đất.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Ngọc Đ đối với căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 49,5m² đất.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Thị D2 để lại gồm: Căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 49,5m² đất, tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2. Tổng giá trị di sản là 416.971.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn đồng), được chia đều cho các thừa kế theo pháp luật.

- Xác định hàng thừa kế của cụ Trần Thị D2 gồm: Bà Lê Thị M, bà Lê Thị L3, bà Lê Thị L, ông Lê Thành S và ông Lê Thanh H.

Các ông, bà đều được hưởng phần mỗi người 1/5 kỷ phần bằng nhau của di sản do cụ Trần Thị D2 để lại.

- Bà Lê Thị L được tiếp tục quản lý, sở hữu và sử dụng căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 49,5m² đất, tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2 đứng tên. (Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 03/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh CM là một phần không tách rời bản án).

Bà Lê Thị L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản cho các đồng thừa kế, cụ thể:

- Hoàn giá trị di sản cho bà Lê Thị M, bà Lê Thị L3 mỗi người 1/5 kỷ phần giá trị di sản. Nhưng bà M, bà L3 tự nguyện giao kỷ phần được hưởng lại cho ông Lê Thanh H, ông Lê Thanh H đồng ý nhận kỷ phần được hưởng của bà

Lê Thị M, bà Lê Thị L3. Như vậy, bà Lê Thị L có nghĩa vụ giao cho ông Lê Thanh H các kỷ phần được hưởng của bà Lê Thị M, bà Lê Thị L3 tổng số tiền 166.788.000 đồng.

- Hoàn giá trị di sản cho ông Lê Thanh H 1/5 kỷ phần được hưởng số tiền 83.394.000 đồng.

- Hoàn giá trị di sản cho ông Lê Thành S 1/5 kỷ phần được hưởng số tiền 83.394.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nếu bên phải thi hành án không thi hành đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Buộc ông Lê Thanh H phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Lê Thị L một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 49,50 m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2 đứng tên, (bản chính).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai biến động và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng 9.846.300 đồng, bà Lê Thị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, bà L đã nộp đủ.

Về án phí:

- Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Thanh H phải nộp 12.809.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0009734 ngày 12/7/2021 và số 0004865 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Ông H còn phải nộp số tiền 12.209.000 đồng.

- Bà Huỳnh Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004864 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

- Ông Lê Thành S phải nộp 4.169.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CM;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV & THA,
Tòa Dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Thám